UBND TỈNH AN GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6019 /SNNMT-CCKSTNN
V/v tăng cường công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh An Giang

An Giang, ngày 17 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường và đặc khu

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của Chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước.

Nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị UBND các xã, phường và đặc khu tập trung tổ chức triển khai thực hiện các nội dung sau:

1. Tổ chức thực hiện kê khai việc khai thác nước dưới đất của hộ gia đình để sử dụng cho mục đích sinh hoạt của mình ***từ ngày 01/7/2026*** theo quy định tại khoản 4 Điều 52 và khoản 4 Điều 85 của Luật Tài nguyên nước năm 2023.

Trình tự, thủ tục kê khai khai thác nước dưới đất thực hiện theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; tờ kê khai theo Mẫu 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP *(đính kèm)*.

2. Đẩy mạnh triển khai các quy định về đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn quản lý theo khoản 5 Điều 3 Luật Tài nguyên nước năm 2023[1]. Trong đó, tập trung triển khai:

a) Thực hiện rà soát, thống kê danh sách các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp có hoạt động thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn để theo dõi, quản lý. Trường hợp công trình

[1] *Khai thác, sử dụng tài nguyên nước phải được kê khai, đăng ký, cấp phép, phù hợp với khả năng đáp ứng của nguồn nước, theo phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước và phù hợp với quy hoạch về tài nguyên nước, bảo đảm sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu, tiết kiệm, hiệu quả*

khai thác tài nguyên nước, hành nghề khoan nước dưới đất của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thuộc trường hợp phải có giấy phép theo quy định tại Điều 52 của Luật Tài nguyên nước năm 2023, Điều 8 của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và hành nghề khoan nước dưới đất thuộc trường hợp quy định tại Điều 30[2] Nghị định số 54/2024/NĐ-CP thì thực hiện hướng dẫn, nhắc nhở, đôn đốc các tổ chức, cá nhân thực hiện hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép khai thác tài nguyên nước, giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất theo quy định.

Trường hợp công trình khai thác tài nguyên nước thuộc trường hợp phải đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại Điều 52 của Luật Tài nguyên nước năm 2023, Điều 8 của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP thì thực hiện hướng dẫn, đôn đốc, nhắc nhở các tổ chức, cá nhân thực hiện hồ sơ, thủ tục đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định.

b) Theo dõi, nhắc nhở các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện đúng các nội dung quy định trong giấy phép khai thác tài nguyên nước; thực hiện đầy đủ trách nhiệm và các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 42 Luật Tài nguyên nước năm 2023.

c) Rà soát, hướng dẫn, tổ chức việc xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất thuộc thẩm quyền xác nhận của Chủ tịch UBND cấp xã đối với các trường hợp quy định tại Điều 23 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP.

Trình tự, thủ tục thực hiện quy định tại mục 2 Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 131/2025/NĐ-CP; hướng dẫn thủ tục đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; tờ khai đăng ký theo Mẫu 13 và Mẫu 14 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 54/2024/NĐ-CP *(đính kèm)*. Mã thủ tục hành chính được công bố tại Cổng dịch vụ công quốc gia: 1.001662 - Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất.

Đồng thời, tăng cường hướng dẫn các cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nộp thủ tục hành chính trực tuyến bằng tài khoản của tổ chức để đảm bảo việc lưu trữ và đồng bộ dữ liệu về tài khoản của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp theo quy định tại Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn.

d) Rà soát, lập danh sách tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất, công trình khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển, sử dụng mặt nước,

---

[2] a) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách không vượt quá 110 mm và thuộc công trình có lưu lượng nhỏ hơn 200 m^3/ngày đêm;

b) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách không vượt quá 250 mm và thuộc công trình có lưu lượng từ 200 m^3/ngày đêm đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm;

c) Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn là hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách không lớn hơn 250 mm và thuộc công trình có lưu lượng từ 3.000 m^3/ngày đêm.

đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch thuộc diện phải kê khai, đăng ký trên địa bàn và gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường ***trước ngày 19/12/2025***.

đ) Tổ chức cập nhật số liệu đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia sau khi ứng dụng kê khai, đăng ký đảm bảo điều kiện vận hành.

3. Đẩy mạnh triển khai các quy định liên quan đến quản lý hoạt động khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất, trong đó yêu cầu các tổ chức, cá nhân thực hiện việc khoan, thăm dò thực hiện các quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 31 Luật Tài nguyên nước năm 2023. Trong đó, lưu ý:

- Tất cả các công trình khoan thăm dò, khai thác nước dưới đất phải do tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hành nghề khoan để thực hiện thi công.

- Các tổ chức, cá nhân hành nghề khoan được hoạt động hành nghề khoan trên phạm vi cả nước và được cấp phép ở quy mô nào thì được phép hành nghề ở quy mô đó và các quy mô nhỏ hơn; được hành nghề khoan, lắp đặt các lỗ khoan, giếng khoan trong các dự án điều tra, đánh giá, thăm dò, khai thác nước dưới đất và các công trình khoan khác có đường kính tương đương với quy mô hành nghề được cấp phép quy định tại khoản 2 Điều 30 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP, có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 33 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP và giấy phép đã được cấp.

- Các tổ chức, cá nhân hành nghề khoan phải thông báo bằng văn bản về vị trí, quy mô công trình khoan nước dưới đất và thời gian dự kiến thi công cho UBND cấp xã nơi có công trình chậm nhất là 9 ngày trước khi thi công. Trường hợp vi phạm sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định pháp luật hiện hành.

- Việc trám lấp giếng khoan không sử dụng được thực hiện theo QCVN 83:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trám lấp giếng không sử dụng được ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BTNMT ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường về ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trám lấp giếng không sử dụng; đồng thời, Thông tư số 22/2024/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 của Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT.

4. Chỉ đạo các đơn vị chuyên môn tổ chức bảo vệ các nguồn cấp nước sinh hoạt, đảm bảo an ninh nguồn nước trên địa bàn, triển khai việc xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa và tổ chức kiểm tra, giám sát, tiếp nhận thông tin, giải quyết các vấn đề phát sinh có liên quan đến các công trình khai thác nước để cấp nước sinh hoạt trên địa bàn theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 03/2024/TT-BTNTMT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 3 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT.

5. Có trách nhiệm tổ chức thực hiện các quy định nêu tại khoản 3 Điều 80 Luật Tài nguyên nước năm 2023; Điều 22, 24 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP *(hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027)*.

6. Tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước theo thẩm quyền, đặc biệt là xử lý các hành vi vi phạm quy định về khai thác, sử dụng nước, hành nghề khoan nước dưới đất, lấn chiếm, san lấp sông, suối, ao, hồ, vi phạm quy định về hành lang bảo vệ nguồn nước… theo quy định của pháp luật. (Áp dụng theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/3/2020 và được thay thế bởi Nghị định số 290/2025/NĐ-CP ngày 6/11/2025 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước; hiệu lực từ ngày 25 tháng 12 năm 2025). Kiên quyết xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân vi phạm, không để xảy ra tình trạng khai thác tài nguyên nước trái phép, hành nghề khoan nước dưới đất trái phép, tình trạng tranh chấp về nguồn nước gây ảnh hưởng đến trật tự an ninh xã hội, an ninh nguồn nước và gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của tổ chức, cá nhân, tạo các "điểm nóng" về tranh chấp trên địa bàn; chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật nếu để xảy ra tình trạng tranh chấp về nguồn nước dẫn đến mất an ninh trật tự, làm thiệt hại tới lợi ích chính đáng và tài sản của nhân dân.

7. Định kỳ, ***trước ngày 15/12 hàng năm***, Uỷ ban nhân dân cấp xã, phường và đặc khu báo cáo: (1) Kết quả tổ chức thực hiện việc kê khai các công trình khai thác nước dưới đất của hộ gia đình để sử dụng cho sinh hoạt của mình; (2) Kết quả tổ chức việc xác nhận đăng ký khai thác nước dưới đất thuộc thẩm quyền xác nhận của Chủ tịch UBND cấp phường, xã; (3) Tổng hợp danh mục các giếng đã trám lấp trên địa bàn và (4) Kết quả kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính về tài nguyên nước trên địa bàn gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trên đây là nội dung của Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi đến UBND các phường, xã để biết và triển khai thực hiện; nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc đề nghị có văn bản gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường *(địa chỉ: Số 9, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang)* để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Môi trường để xem xét, giải quyết./.

Đính kèm: Phụ lục 1. Các công trình thuộc trường hợp phải kê khai, đăng ký, cấp phép thăm dò, khai thác tài nguyên nước, Phụ lục 2. Các biểu mẫu kê khai, đăng ký khai thác nước dưới đất.

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở: Xây dựng, Công thương (để phối hợp);
- Báo và Đài Phát thanh-Truyền hình AG (để đăng tin);
- Giám đốc Sở (để báo cáo);
- VP Sở (để đăng website Sở);
- Phòng KHTC;
- Phòng Pháp chế (để phối hợp);
- CCBVMT (để phối hợp);
- Lưu: VT, CCKSTNN, nvtai.
- Lưu: VT, nvtai.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TỈNH AN GIANG

Võ Văn Lên

PHỤ LỤC 1. CÁC CÔNG TRÌNH THUỘC TRƯỜNG HỢP PHẢI KÊ KHAI, ĐĂNG KÝ, CẤP PHÉP THĂM DÒ, KHAI THÁC TÀI NGUYÊN NƯỚC

(Đính kèm Công văn số:...../SNNMT-CCKSTNN ngày /...../2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

I. Các công trình thuộc trường hợp phải kê khai theo quy định tại khoản 4 Điều 52 Luật Tài nguyên nước năm 2023

Hộ gia đình khai thác nước dưới đất để sử dụng cho sinh hoạt của mình phải thực hiện kê khai để quản lý.

II. Các công trình thuộc trường hợp phải đăng ký thuộc thẩm quyền xác nhận của Chủ tịch UBND cấp xã theo Điều 23 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP *(hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027)*

1. Khai thác nước dưới đất có quy mô không vượt quá 10 m^3/ngày đêm để sử dụng cho mục đích khác mục đích khai thác nước cho các hoạt động văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng, phòng cháy chữa cháy, mục đích phục vụ quốc phòng và an ninh, tưới cây và rửa đường phục vụ mục đích công cộng và mục đích sử dụng sinh hoạt của các hộ gia đình.

2. Sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyển quặng tại moong hoặc bơm hút nước để tháo khô lượng nước tự chảy vào moong khai thác khoáng sản theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 52 Luật Tài nguyên nước

III. Các công trình thuộc trường hợp phải đăng ký khai thác tài nguyên nước thuộc thẩm quyền UBND tỉnh quy định khoản 2 Điều 15 gồm các trường hợp quy định tại các điểm a, b, đ, e, g, h, i, k và l khoản 2 Điều 8 của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP, cụ thể:

1. Hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 0,01 triệu m^3 đến 0,2 triệu m^3; công trình khai thác nước mặt khác cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác lớn hơn 0,1 m^3/giây đến 0,5 m^3/giây.

Trường hợp hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 0,01 triệu m^3 đến 0,2 triệu m^3 có quy mô khai thác cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản vượt quá 0,5 m^3/giây hoặc có các mục đích khai thác nước khác có quy mô khai thác thuộc trường hợp phải có giấy phép thì phải thực hiện cấp phép theo quy định của Nghị định số 54/2024/NĐ-CP;

2. Khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đảo, đất liền có quy mô lớn hơn 10.000 m^3/ngày đêm đến 100.000 m^3/ngày đêm;

3. Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) khác quy định tại khoản 5 Điều 7 của Nghị định này có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch không vượt quá 30 m; đối với

cống ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan khác quy định tại khoản 5 Điều 7 của Nghị định này có tổng chiều rộng thông nước không vượt quá 5 m.

Trường hợp công trình có các mục đích khai thác nước khác có quy mô khai thác thuộc trường hợp phải có giấy phép thì phải thực hiện cấp phép theo quy định của Nghị định này;

4. Sử dụng mặt nước hồ chứa để sản xuất điện mặt trời theo quy định tại điểm e khoản 5 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước;

5. Sử dụng mặt nước sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ với diện tích mặt nước sử dụng có quy mô lớn hơn 100 m^2;

6. Các khu, điểm du lịch có hoạt động sử dụng mặt nước;

7. Đào sông, suối theo quy định tại điểm g khoản 5 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước;

8. Đào hồ, ao để tạo không gian thu, trữ nước, tạo cảnh quan có quy mô khác quy định tại điểm a khoản 4 Điều 7 của Nghị định này;

9. Đào kênh, mương, rạch để tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan có quy mô khác quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 của Nghị định này.

III. Các công trình thuộc trường hợp phải cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước quy định tại khoản 3 Điều 8, khoản 1, khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP bao gồm:

1. Thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 10 m^3/ngày đêm trở lên;

2. Khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô từ 10 m^3/ngày đêm trở lên;

3. Hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ từ 0,2 triệu m^3 trở lên; công trình khai thác nước mặt từ hồ chứa, đập dâng thủy lợi và các nguồn nước mặt khác cho mục đích sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 0,5 m^3/giây trở lên.

6. Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy trên 50 kW;

7. Khai thác nước mặt cho các mục đích khác có quy mô từ 100 m^3/ngày đêm trở lên;

8. Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch từ 30 m trở lên. Đối với cống ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 5 m trở lên.

IV. Các công trình không phải kê khai, cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước và đăng ký khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP

1. Các trường hợp khai thác, sử dụng tài nguyên nước quy định tại các điểm a, d, đ, e và k khoản 3 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước.

2. Các trường hợp khai thác nước có quy mô nhỏ quy định tại các điểm b, c, g và các trường hợp quy định tại điểm l khoản 3 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước bao gồm:

a) Khai thác nước mặt cho các mục đích kinh doanh, dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp (bao gồm cả khai thác để sử dụng nước cho mục đích làm mát máy, thiết bị, tạo hơi, gia nhiệt), thi công xây dựng công trình có quy mô không vượt quá 100 m^3/ngày đêm;

b) Khai thác nước mặt cho mục đích sinh hoạt có quy mô không vượt quá 100 m^3/ngày đêm; khai thác nước mặt cho mục đích sinh hoạt có quy mô không vượt quá 200 m^3/ngày đêm đối với khu vực biên giới, hải đảo, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

c) Hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ nhỏ hơn 0,01 triệu m^3; công trình khai thác nước mặt khác cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô không vượt quá 0,1 m^3/giây.

Trường hợp hồ chứa, đập dâng thủy lợi có dung tích toàn bộ nhỏ hơn 0,01 triệu m^3 có quy mô khai thác cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản vượt quá 0,1 m^3/giây hoặc có các mục đích khai thác nước khác có quy mô vượt quá quy định tại các điểm a, b và d khoản này thì phải thực hiện đăng ký, cấp phép theo quy định của Nghị định này;

d) Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy không vượt quá 50 kW;

đ) Khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đảo, đất liền có quy mô không vượt quá 10.000 m^3/ngày đêm.

3. Sử dụng mặt nước sông, suối, kênh, mương, rạch, hồ chứa để nuôi trồng thủy sản, kinh doanh, dịch vụ thuộc trường quy định tại điểm h khoản 3 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước với diện tích mặt nước sử dụng có quy mô không vượt quá 100 m^2 (trừ sử dụng mặt nước tại các khu, điểm du lịch).

4. Đào hồ, ao, kênh, mương, rạch quy mô nhỏ để tạo không gian thu, trữ nước, dẫn nước, tạo cảnh quan thuộc trường quy định tại điểm i khoản 3 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước, bao gồm:

a) Đào hồ, ao có quy mô diện tích mặt nước không vượt quá 500 m^2;

b) Đào kênh, mương, rạch với lưu lượng dẫn nước có quy mô không vượt quá 0,1 m^3/giây hoặc bề rộng đáy không vượt quá 0,5 m;

c) Tổ chức, cá nhân có hoạt động quy định tại điểm a, điểm b khoản này và điểm i, k, l khoản 2 Điều 8 của Nghị định này phải đảm bảo các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, giao thông, thủy lợi, khoáng sản và pháp luật khác có liên quan; trường hợp quy định tại điểm a, b khoản này có khai thác nước để sử dụng cho các mục đích khác thuộc trường hợp phải đăng ký, cấp phép thì phải thực hiện đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước theo quy định của Nghị định này.

5. Công trình ngăn sông, suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) là công trình tạm, thời vụ có thời gian sử dụng liên tục không quá 3 tháng.

6. Tổ chức, cá nhân khai thác nước cho sinh hoạt tại các khu vực trong thời gian xảy ra hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, sự cố ô nhiễm, dịch bệnh theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 52 của Luật Tài nguyên nước. Đối với công trình có quy mô khai thác thuộc trường hợp phải thực hiện đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước thì sau khi kết thúc thời gian nêu trên phải dừng ngay việc khai thác và trong thời gian không quá 30 ngày, phải báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có công trình về việc khai thác nước tại công trình.

Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục khai thác mà quy mô khai thác nước thuộc trường hợp phải thực hiện kê khai, đăng ký, cấp phép khai thác tài nguyên nước thì thực hiện kê khai, đăng ký, cấp phép theo quy định của Nghị định này.

Trường hợp tổ chức, cá nhân không có kế hoạch tiếp tục khai thác thì phải thực hiện trám lấp giếng hoặc tháo dỡ công trình theo quy định.

PHỤ LỤC 2. CÁC BIỂU MẪU KÊ KHAI, ĐĂNG KÝ KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT

(Đính kèm văn bản Số:...../SNNMT-CCKSTNN ngày /...../2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

1. Mẫu số 12 - TỜ KÊ KHAI KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT *(Đối với trường hợp khai thác nước dưới đất của hộ gia đình để sử dụng cho mục đích sinh hoạt của mình).*

2. Mẫu số 12 - TỜ KHAI ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT *(Đối với trường hợp khai thác nước cho các mục đích với quy mô không vượt quá 10 m^3/ngày đêm, trừ hộ gia đình khai thác nước dưới đất để sử dụng cho sinh hoạt của mình).*

3. Mẫu số 14 - TỜ KHAI ĐĂNG KÝ CÔNG TRÌNH KHAI THÁC NƯỚC DƯỚI ĐẤT *(Đối với trường hợp sử dụng nước dưới đất tự chảy trong moong khai thác khoáng sản để tuyển quặng, bơm hút nước để tháo khô mỏ).*